TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6-LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-ST
Ngày 15/01/2026
V/v ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hữu Tỷ

2. Bà Nguyễn Thị Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng tham gia phiên toà: Ông Hà Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng đã xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 103/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H *(Vắng mặt)*, sinh năm 1999

Địa chỉ: thôn A, xã Q, tỉnh L.

- *Bị đơn:* Anh Nông Văn An *(Vắng mặt)*, sinh năm 1997

Địa chỉ: thôn A, xã Q, tỉnh L; Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đắk Tân, tỉnh Đắk Lắk.

(Các đương sự đều có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, chị Nguyễn Thị H (nguyên đơn) trình bày: Chị Nguyễn Thị H và anh Nông Văn A kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 20/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh L. Hôn nhân giữa chị H và anh A là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Trong thời gian chung sống, chị H và anh A có 02 con chung: Cháu Nông Tuấn

K, sinh ngày 18/10/2016 và cháu Nông Đức M, sinh ngày 19/5/2021. Hiện cháu K và cháu M đang sống cùng với chị H tại thôn A, xã Q, tỉnh L. Chị Nguyễn Thị H và anh Nông Văn A không có tài sản chung gì cả, tài sản riêng không có gì; không vay mượn của ai cả, cũng không cho ai vay mượn. Thời gian đầu mới kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn; vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách khác nhau, hay cãi nhau, vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa, việc ai người đó làm, vợ chồng không còn tình cảm nữa. Vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Nông Văn A đã sống ly thân (không ở cùng nhà với nhau) từ năm 2023, do anh A phạm tội và chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Đắk Tân, tỉnh Đắk Lắk từ ngày 23/10/2023, nên chị H muốn được ly hôn với anh A để ổn định cuộc sống. Chị Nguyễn Thị H có quan điểm, nguyện vọng yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H xin ly hôn với anh Nông Văn A.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H xin được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Nông Tuấn K, sinh ngày 18/10/2016 và cháu Nông Đức M, sinh ngày 19/5/2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai nên không yêu cầu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc bận, nhà xa đi lại khó khăn và các con đang còn nhỏ nên chị H có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt đối với chị.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nông Văn A (bị đơn) trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị H sau thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau thì tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ (nay là xã Q, tỉnh L) vào khoảng năm 2016. Trong thời gian chung sống anh chị không có mâu thuẫn. Anh A đi chấp hành án từ ngày 23/10/2023 cho tới nay. Hiện tại, chị H yêu cầu ly hôn thì anh A đồng ý.

Về con chung, trong quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Nông Tuấn K, sinh năm 2016 và cháu Nông Đức M, sinh năm 2021. Khi ly hôn anh A đồng ý giao 02 con cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con, anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại anh đang chấp hành án tại Trại giam Đắk Tân, tỉnh Đắk Lắk, không thể có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập nên có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng tham gia phiên toà xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền theo quy định và đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (chị Nguyễn Thị H) đối với bị đơn (anh Nông Văn A) về việc ly hôn, nuôi con chung.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nông Văn A (chấm dứt quan hệ vợ chồng).

Về nuôi con chung: Giao cháu Nông Tuấn K, sinh ngày 18/10/2016 và cháu Nông Đức M, sinh ngày 19/5/2021 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1]1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Nông Văn A và xin được nuôi con chung, đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn (anh Nông Văn A) có đăng ký thường trú tại thôn 8, xã Quảng Hòa, tỉnh Lâm Đồng nên Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]1.3. Về sự vắng mặt của đương sự: Đối với chị Nguyễn Thị H (nguyên đơn) và anh Nông Văn A (bị đơn) vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

[4]2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nông Văn A kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 20/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ (nay là xã Q, tỉnh L); việc kết hôn và đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh A là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Thời gian đầu mới kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn; vơ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách khác nhau, hay cãi nhau, không quan tâm đến nhau nữa, việc ai người đó làm; Vợ chồng chị H và anh A đã sống ly thân (không ở cùng nhà với nhau) từ năm 2023 do anh A đi chấp hành án tù tại Trại giam Đắk Tân, tỉnh Đắk Lắk; Chị H cũng thừa nhận, chị không còn tình cảm với anh A, không muốn tiếp tục

chung sống với anh A và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống; mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục; chị H và anh A không còn tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, hôn nhân của chị H và anh A thật sự không đạt được mục đích. Do đó, Hội đồng xét xử cần căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nông Văn A.

[5]2.2 Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nông Tuấn K, sinh ngày 18/10/2016 và cháu Nông Đức M, sinh ngày 19/5/2021 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Nông Văn A đồng ý giao 02 con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng.

Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

"2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì thì Tòa án quyết định giao con cho một bên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con."

Kể từ khi hai vợ chồng sống ly thân (năm 2023) thì cháu Nông Tuấn K, sinh ngày 18/10/2016 và cháu Nông Đức M, sinh ngày 19/5/2021 ở với chị H và do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; cháu Nông Đức M dưới 7 tuổi nên không hỏi ý kiến của cháu; cháu Nông Tuấn K có nguyên vọng được ở với mẹ; cháu M hiện còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ; theo đương sự trình bày thì chị H có chỗ ở và có thu nhập để nuôi con chung, anh A đang chấp hành án phạt tù và đồng ý giao con cho chị H nuôi dưỡng nên cần giao cháu K và cháu M cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành.

[6]2.3 Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[7] 2.4 Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có tài sản gì chung, không vay mượn của ai hay cho ai vay mượn tài sản gì và không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[8]**3. Về án phí:** Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0005874 ngày 20/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

[9]Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228; Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nông Văn A về việc ly hôn, nuôi con chung.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nông Văn A (chấm dứt quan hệ hôn nhân).

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nông Tuấn K, sinh ngày 18/10/2016 và cháu Nông Đức M, sinh ngày 19/5/2021 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung, người trực tiếp nuôi con không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục các cháu.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110 ; Điều 117 và Điều 119 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0005874 ngày 20/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 6-Lâm Đồng (02);
- Phòng THADS khu vực 6-Lâm Đồng;
- UBND xã Q, tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng